

TRAO ĐỔI

GÓP Ý BẢN DỊCH “THIÊN UYỂN TẬP ANH” của ông Ngô Đức Thọ và bà Nguyễn Thúy Nga

Song Hào Lý Việt Dũng*

Sách *Thiên uyển tập anh* (Anh tú vườn Thiên) do ông Ngô Đức Thọ và bà Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, được nhà xuất bản Văn học hợp tác với Phân viện Nghiên cứu Phật học Hà Nội xuất bản năm 1990. Công sức của hai dịch giả thật đáng trân trọng, chỉ có điều đáng tiếc là bản dịch này mắc khá nhiều sai sót mà qua các lần tái bản vẫn chưa được hai dịch giả chỉnh sửa hết.

Trên tinh thần cùng nhau góp sức để có được một bản dịch khả dĩ mang lại cho bạn đọc cái nhìn tương đối chính xác về các thiền sư Việt Nam thời xa xưa, chúng tôi mạnh dạn góp ý cùng hai dịch giả Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga qua bài viết này. Mong ông Ngô Đức Thọ và bà Nguyễn Thúy Nga nguyên lượng cho việc chằng đặng đùng. Cách làm của chúng tôi là nhặt ra các sai sót và góp ý chỉnh sửa, từ đầu đến cuối sách *Thiên uyển tập anh* do Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, bản in của Nxb Văn học, năm 1990 (trong bài viết tắt là Bản NĐT). Phân đối chiếu nguyên văn, chúng tôi căn cứ vào bản khắc in *Thiên uyển tập anh* niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) và bản khắc in *Đại Nam Thiên uyển truyền đăng tập lục* niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1859) của hòa thượng Phúc Điền Bồ Sơn.

Trang 24

(Lời tựa sách *Thiên uyển tập anh*)

Nguyên văn:

“*Hữu vãng nhập huyền môn, **chú liên** (呪蓮) hiển Đồ Trùng chi bí*”.

Bản NĐT dịch: “*cũng có kẻ muộן đến cửa huyền mà làm hiển rạng bí chú của Đồ Trùng*”.

Dịch như vậy là đã bỏ sót từ **chú liên** (呪蓮), một chi tiết quan trọng mô tả bí thuật của Phật Đồ Trùng. **Chú liên** (呪蓮) là “*chú sen*” chỉ pháp thuật của Phật Đồ Trùng đọc chú làm cho hoa sen mọc lên từ một bát nước. Sự tích lấy từ chuyện Phật Đồ Trùng gặp Thạch Lặc và bị Thạch Lặc hỏi khó:

- Đạo Phật có gì linh nghiệm?

Đồ Trùng biết Lặc không có khả năng hiểu nổi chỗ vi diệu của đạo pháp, phải cần dùng đạo thuật để trưng bằng chứng cho Lặc tin nên đáp:

- Đạo lớn tuy xa nhưng có thể lấy việc gần để làm chứng!

Nói đoạn bèn lấy một cái bình bát đựng đầy nước, đốt hương và niệm chú thì phút chốc mọc lên một hoa sen xanh, sắc đẹp lóa mắt. Lặc nhân đó tin phục ngay (*Cao tăng truyện*, quyển 9).

Vậy đoạn trên có lẽ nên dịch là: “*Có kẻ muộן vào cửa thiên, đọc chú sen mọc để hiển lộ bí chú của Phật Đồ Trùng*”.

* Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trang 26
(Lời tựa sách *Thiền uyển tập anh*)

Nguyên văn:

“Cố phi dư chi phận nội sự dã. **Nhiên Dịch hữu ‘đồng mộng cầu ngã’** chi thuyết (然易有童蒙求我之說), **bất đắc bất tùng y sở thỉnh, vì chi chính kỳ khuyết thất, trợ kỳ di lậu**”.

Bản NĐT dịch: “... cố nhiên không phải là phận sự của tôi. Nhưng Kinh Dịch từng nói: ‘Trẻ nhỏ cầu ta kể chuyện, không thể không nghe theo’. Tôi đành phải nhận lời với nhà sư sửa lại chỗ sai, bỏ vào chỗ sót”.

Dịch như vậy có lẽ là do người dịch tưởng lầm câu nguyên văn trong Kinh Dịch là: **“Đồng mộng cầu ngã chi thuyết, bất đắc bất tùng”**. Thật ra, người viết lời tựa cho *Thiền uyển tập anh* chỉ trích Kinh Dịch có bốn chữ **“đồng mộng cầu ngã”** (童蒙求我) mà thôi. Còn **“Nhiên Dịch hữu... chi thuyết, bất đắc bất tùng y sở thỉnh...”** đều là lời của người viết tựa.

Vậy nghĩa nguyên đoạn là: “... Dĩ nhiên đó không phải là công việc thuộc bốn phận của tôi. Nhưng Kinh Dịch có câu nói: ‘Trẻ nhỏ cầu ta’, nên tôi không thể không chịu theo lời thỉnh cầu của y (nhà sư), sửa giùm chỗ sai, bổ sung chỗ thiếu sót”.

Tiện đây, chúng tôi xin trích đủ nguyên văn đoạn trong Kinh Dịch liên quan đến câu **đồng mộng cầu ngã**, đó là **quẻ Mông: “Phi ngã cầu đồng mộng, đồng mộng cầu ngã”**. Như vậy dịch: **“Trẻ nhỏ cầu ta kể chuyện, không thể không nghe theo”** như Bản NĐT là không đúng nguyên văn Kinh Dịch, lại càng không đúng nguyên ý lời tựa.

Trang 31
(Tiểu truyện Vô Ngôn Thông và Cảm Thành)

Nguyên văn:

“... Ngã Việt Thiền học tự sư chi thử
Kiến Sơ Thông thiền sư pháp tự
Đệ nhất thế nhất nhân
Kiến Sơ tự đệ nhị thế Cảm Thành thiền sư...”.

Bản NĐT dịch:

“Thiền học nước Việt ta bắt đầu từ [Vô Ngôn] Thông thiền sư ở chùa Kiến Sơ vậy.

Thế hệ thứ nhất
Thiền sư Cảm Thành
Chùa Kiến Sơ...”.

Dịch như vậy là có sự nhầm lẫn, tức đã đem câu đầu của tiểu truyện thiền sư Cảm Thành là **“Kiến Sơ Thông thiền sư pháp tự”**, nghĩa là: **“Đệ tử truyền pháp của thiền sư Vô Ngôn Thông ở chùa Kiến Sơ”** ghép vào phần cuối của tiểu truyện thiền sư Vô Ngôn Thông ở bên trên. Đoạn này nên dịch theo cách ngắt câu như sau:

“... Thiền học nước ta bắt đầu từ sư (Vô Ngôn Thông) vậy. (Tới đây chấm hết phần tiểu truyện thiền sư Vô Ngôn Thông, xuống dòng sang trang qua phần tiểu truyện thiền sư Cảm Thành).

Các pháp tự (đệ tử truyền pháp) của thiền sư Vô Ngôn Thông ở chùa Kiến Sơ:

Đời thứ nhất (tức pháp tự đời thứ nhất): Một người.

Đời thứ hai chùa Kiến Sơ (tức trụ trì đời thứ hai tại chùa Kiến Sơ): Thiền sư Cầm Thành...”.

Chú thêm: Tuy Cầm Thành trụ trì chùa Kiến Sơ trước rồi Vô Ngôn Thông mới đến, nhưng nguyên văn vẫn không coi Cầm Thành là trụ trì thứ nhất vì khi nói đến Cầm Thành, nguyên văn ở tiểu truyện Vô Ngôn Thông đã viết: “Lục niên mặc hữu thức giả, độc tự **tăng Cầm Thành...**”, nghĩa là: “... *Cả năm không ai biết chỉ có vị tăng trong chùa là Cầm Thành*”.

Trang 33

(Tiểu truyện thiền sư Cầm Thành)

Nguyên văn:

“... Thời Nam Nhạc Nhượng thủ đắc kỳ truyền. Nhượng thụ Mã Tổ Nhất. Nhất thụ Bách Trượng Hải. Ngô ư Bách Trượng đắc kỳ tâm pháp. **Cửu hưởng thử phương** (久嚮此方) mộ Đại thừa giả chúng, thị dĩ Nam lai cầu thiện tri thức...”

Bản NĐT dịch là: “Bấy giờ Nam Nhạc Hoài Nhượng là người đầu tiên được truyền tâm pháp. Nhượng truyền cho Mã Tổ Đạo Nhất. Đạo Nhất truyền cho Bách Trượng Hoài Hải. Ta nhận được tâm pháp ở Bách Trượng. **Phép đó từ lâu đã có tiếng vang**, nghe ở phương này đã có đông người hâm mộ Đại thừa, vậy nên ta đến để tìm kẻ thiện tri thức...”. Rồi cước chú: “Nguyên bản in ‘bắc phương’ khắc lầm chữ ‘thử’ 此 (này) thành chữ ‘bắc’ 北”.

Thứ nhất nói về dịch. Tuy chữ **hưởng** (嚮) có nghĩa thông thường là **tiếng vang** nhưng ở ngữ cảnh của đoạn này nó lại có nghĩa là **nghe đồn, nghe nói, nghe tiếng, nghe tăm**. Có lẽ đoạn này nên dịch là: “... Ta nhận được tâm pháp ở Bách Trượng. **Từ lâu nghe tiếng** phương này người mộ Đại thừa đông lắm, nên ta xuôi Nam để tìm kẻ giỏi pháp...”.

Từ **cửu hưởng** (久嚮) với nghĩa **từ lâu nghe tiếng** này đã được tác giả TUTA dùng ở tiểu truyện thiền sư Pháp Hiền: “... Nam phương Thiền tông ư thử vi thạnh. Tùy Thứ sử Lưu Phương dĩ văn. Cao **cửu hưởng thử phương** khâm sùng Phật giáo...”, nghĩa là: “... Do đó mà Thiền tông phương Nam hưng thịnh. Quan Thứ sử nhà Tùy là Lưu Phương dâng sớ tâu vua Tùy việc đó. Tùy Cao Tổ **từ lâu nghe tiếng phương này** (tức phương Nam) sùng mộ Phật giáo”. Ở ngữ cảnh trong đoạn “Cao cửu hưởng thử phương khâm sùng Phật giáo” này từ **cửu hưởng** không thể nào có nghĩa **tiếng vang** được.

Thứ hai nói về chú thích nhầm. Bản NĐT chú thích như trên là do tưởng lầm nguyên bản khắc sai chữ **thử** (此) thành **bắc** (北). Thật ra nguyên bản không có khắc lầm, mà do **cách khắc chữ thử** (此) ở một số chỗ trong bản **Vĩnh Thịnh 1715** là như vậy.

Thí dụ như ở tiểu truyện thiền sư Túc Lự, trong câu: “*Sư ư ngôn hạ linh ngộ. Hậu hoàn thử tự*”, nghĩa là “Sư vừa nghe xong linh ngộ ngay. Sau quay về chùa này”, thì chữ **thử** (此) cũng khắc na ná chữ **bắc** (北), nhưng trong ngữ cảnh nêu trên thì chữ này không thể hiểu khác hơn là chữ **thử** (此) được. Hoặc ở tiểu truyện thiền sư Khuông Việt trong câu: “*Đế dĩ thị sư, đối viết: Thử tôn bệ*”

hạ dữ kỳ chúa bất dị”, nghĩa là “**Điều đó** có nghĩa là sứ tôn kính bệ hạ không kém gì vua của họ”, chữ **thử** (此) cũng được khắc na ná giống như chữ **bắc** (北) trong câu “*Cửu hưởng thử phương mộ Đại thừa giả chúng*” vừa nói tới bên trên. Tiếc thay ở đoạn này thì các dịch giả lại sơ ý **đọc lộn chữ thử là bắc** nên dịch nhầm như sau: “... *Sứ bắc tôn kính bệ hạ không kém gì vua Tống*”. Chữ **thử** (此) đứng đầu câu với nghĩa **đó, điều đó** nhằm giải thích ý nghĩa một sự kiện ở câu kế trước đó, nằm đây trong các thư tịch Hán văn Hoa-Việt.

Trang 35

(Tiểu truyện thiền sư Cảm Thành)

Nguyên văn:

... *Nhữ thiện quan sát*
Mạc trám nhi tôn
Trực nhiều vấn ngã (直饒問我)
Ngã bốn vô ngôn

Bản NĐT trích bản dịch này của ông Minh Chi trong cuốn *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Ông Minh Chi đã phiên âm sai chữ **trám** (賺) là **đối gạt** thành chữ **khiểm** (嗟) và dịch nhầm câu ba như sau:

Người khéo quan sát
Chớ lừa cháu con
Nói thẳng đến ta
Ta vốn vô ngôn

Hẳn ai học cổ văn Trung Quốc, hay đọc sách thiền Hoa-Việt đều biết từ **trực nhiều** (直饒) cũng còn gọi là **trực đắc** (直得), đồng nghĩa với từ **túng nhiên** (縱然), **tức sử** (即使) có nghĩa là **giá mà, dù cho, dầu cho**. Thí dụ như sách *Động Sơn ngữ lục* chi dư chép: *Sư vấn: “Cổ nhân đạo: “Trực đắc thập thành bất tự” thời như hà?”, Nham vân: “Tha một hữu thành số”*. Nghĩa là thiền sư (Lương Giới) lại hỏi:

- Người xưa nói “**Cho dù** thành mười mươi đi nữa cũng không giống y hết được” nghĩa là sao?

Thiền sư Vân Nham đáp:

- Ấy là do chuyện giống không có thành số!

Hay trong quyển 1, *Phật quả ngữ lục* chép: “**Trực nhiều** bổng như vũ điểm, hát tự bôn lời, do vị động trước hướng thượng quan liệt tại”, nghĩa là (thiền sư Khắc Cẩn) nói: “**Dù cho** gây bổ như mưa tuôn, tiếng hét như rầm rền, nhưng cũng chưa đủ động nổi chốt khóa cốt lõi hướng thượng được”.

Chữ **trực nhiều** (直饒) này có khi được dùng chỉ một chữ **nhieu** (饒) thôi như trong quyển 18, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* thiền sư Huyền Sa Tông Nhất nói: “**Nhiều** nhữ luyện đắc thân tâm đồng không khứ, **nhieu** nhữ đắc đáo tinh minh trạm bất liễu xứ, bất xuất tha thức ấm”. Nghĩa là: “**Dù** ông có luyện được thân tâm đồng không hư, **dù** ông có đạt đến tinh minh trạm nhiên bất dao động, cũng không thoát khỏi thức ấm của kẻ khác”.

Vậy hai câu: “**Trực nhiều** vấn ngã, Ngã bốn vô ngôn” có nghĩa là: “**Giá mà** (cho dù) có hỏi ta (ta cũng không trả lời) vì ta vốn vô ngôn”. Dịch “**nói thẳng đến ta**” như cụ Minh Chi là hoàn toàn lạc nghĩa do ông không để ý đến tập ngữ **trực nhiều** (直饒) mà chỉ hiểu theo nghĩa tiếng một **trực** (直) là **thẳng**.

Trang 41
(Tiểu truyện thiền sư Vân Phong)

Nguyên văn:

“Sư vấn: ‘Như hà tự vô sanh tử xứ?’, Hội vân: ‘Ư sanh tử trung hội thủ thủ đắc’. Sư vấn: ‘Tác ma sanh hội?’, Hội vân: ‘Nễ thả khứ, nhật mộ tức lai’. Sư tiện như kỳ quả chí, Hội vân: ‘Đãi triều minh nhật chúng, dữ nhữ chứng minh’. Sư hoát nhiên tỉnh ngộ lẽ bái”.

Bản NĐT dịch:

“Lại hỏi:

- Thế nào là chỗ không sống chết?

Đáp:

- Phải ở trong sống chết mới nhận biết được!

Hỏi:

- Làm thế nào mà **tìm** được?

Thiền Hội nói:

- Người hãy đi đi! Chiều muộn lại đến!

Sư bèn đi ra, đúng hẹn chiều hôm đó lại đến. Thiền Hội nói:

- Đợi đến sáng mai **mọi người** sẽ chứng tỏ cho người biết.

Sư bưng tỉnh bèn sụp xuống lạy tạ”.

Dịch như vậy có mấy điểm cần góp ý.

Thứ nhất câu nói **Tác ma sanh hội** (作麼生會) không có nghĩa là “Làm thế nào mà **tìm** được?” mà là “Làm thế nào mới hiểu được?” tức hiểu thấu được vậy.

Thứ hai do ngắt câu không đúng vị trí nên dịch sai ý câu “Đãi triều minh nhật chúng, dữ nhữ chứng minh” là “Đợi đến sáng mai, mọi người sẽ chứng tỏ cho người biết” theo kiểu phết câu nhảm của Bản NĐT “Đãi triều minh nhật, **chúng** dữ nhữ chứng minh”, trong khi ý của câu trên là “Hãy đợi sáng mai đông đủ người, **ta** sẽ chứng minh cho ông!”.

Vậy đoạn trên có lẽ nên dịch là:

“Hỏi:

- Thế nào là chỗ không sanh tử?

Sư đáp:

- Phải ngay trong chỗ sanh tử mà hiểu lấy mới được!

Tăng lại hỏi:

- Làm thế nào mới hiểu được?

Sư nói:

- Ông đi đi, chiều hãy đến!

Chiều đến, sư y hẹn lại vào. Thiền Hội bảo:

- Đợi sáng mai **đông đủ người**, **ta** sẽ chứng minh cho ông!

Sư hoát nhiên lãnh hội liền sụp xuống lạy”.

Luận về thiền lý, thiền sư Thiền Hội đã chỉ ngay từ đầu đầu là chỗ không sanh tử, nhưng sư [Vân Phong] không hiểu được nên mới hỏi lại làm thế nào mới hiểu được, tức là đã rơi vào thời gian và tư tưởng, đó lại chính là chỗ sanh tử vậy! Thiền Hội hẹn rày, hẹn mai, chính là chỉ cho sư thấy ngay nơi sanh tử ấy mà hiểu lấy. Nếu vẫn không lĩnh hội được ngay thì việc chứng minh mãi mãi vẫn còn là chuyện hẹn lần khác. Bản NĐT dịch “**mọi người sẽ chứng tỏ**

cho người biết” khiến người ta hiểu lầm tầm quan trọng là ở chỗ chứng minh mà không thấy ra **thực tại mới là yếu tính**. Phương cách khảo thị này Thiện Hội chỉ dùng lại cách của Mã Tổ Đạo Nhất mà thôi. (Xem thêm công án “Mã Tổ hẹn chứng minh” trong quyển 3 sách *Ngũ đăng hội nguyên*).

Trang 42
(Tiểu truyện đại sư Khuông Việt)

Nguyên văn:

“(Sư) trạng mạo khô vĩ, chí thượng trừ đảng”.

Bản NĐT dịch: “Ông dáng mạo khô ngô tuần tú, tính tình phóng khoáng, **có chí khí cao xa**”.

Dịch như vậy vừa thiếu lại vừa thừa. Thiếu là cụm từ “trạng mạo khô vĩ” có nghĩa là “vóc dáng to lớn, dung mạo khô ngô” thì Bản NĐT đã dịch thiếu chi tiết “vóc dáng to lớn”. Thừa là cụm từ “chí thượng trừ đảng” chỉ có nghĩa “chí khí chuộng sự phóng khoáng” cho nên dịch “tính tình phóng khoáng” là đủ rồi còn cường điệu thêm “có chí khí cao xa” làm gì, vì trong nguyên văn không có chi tiết này. Vậy câu trên có lẽ nên dịch lại là: “Sư vóc dáng vạm vỡ, mặt mũi khô ngô, chí thích sự phóng khoáng”.

Trang 44
(Tiểu truyện đại sư Khuông Việt)

Nguyên văn:

*“(Giác) dĩ thi tặng chi, hữu ‘Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiếu’ chi cú. Đế dĩ thị sư, đối viết: **Thử** tôn bệ hạ dữ kỳ chúa bất dĩ”.*

Bản NĐT dịch: “(Giác) bèn làm thơ tặng, trong đó có câu: ‘Thiên ngoại hữu thiên ứng viễn chiếu’ (ngoài trời lại có trời soi nữa). Vua **bảo Đỗ pháp sư** đưa cho Khuông Việt xem. Khuông Việt xem xong nói: **Sứ Bắc** tôn kính bệ hạ không kém gì vua Tống”.

Dịch như thế có mấy điểm cần bàn lại. Cụm từ “Đế dĩ thị sư, đối viết” có nghĩa giản dị và chính xác là “Vua **đưa bài thơ cho sư xem**, ngài tâu rằng” chứ không thể nào có nghĩa “Vua **bảo Đỗ pháp sư đưa cho Khuông Việt xem**” như Bản NĐT đã dịch nhầm được. Chi tiết này được xác minh bởi đoạn văn sau đây chép trong *Toàn thư* B1 tờ 18a5-b8: “Năm Đinh Hợi niên hiệu Thiên Phúc thứ 8 (987), triều đình nhà Tống lại sai Lý Giác đi sứ. Bấy giờ, vua sai pháp sư tên Thuận giả làm người chèo đò (trong *TUTA* viết giả làm người quan lệnh coi bến đò) đi đón. Giác rất giỏi bàn luận chuyện văn chương. Lúc ấy vừa hay có hai con ngỗng bơi trên mặt sông, Giác vui ngâm:

Ngỗng ngỗng một đôi ngỗng

Ngoảnh mặt ngó ven trời

Pháp sư đang lúc cầm chèo, cũng nổi vần theo:

Dòng biếc lông trắng lộ

Sóng xanh cẳng hồng bơi

(Chúng tôi dịch “**cẳng hồng**” vì thường người ta nói “*chân vịt*” nhưng “*cẳng ngỗng*”).

Giác càng lấy làm lạ. Khi về đến quán dịch, Giác làm một bài thơ gởi cho sư như sau:

May gặp thời minh giúp việc vua
 Một mình hai đợt đến Giao Châu
 Đông Đô đôi biệt lòng lưu luyến
 Nam Việt muôn trùng ngóng chữa trời
 Ngựa đạp mây mù qua sóng đá
 Xe rời núi biếc thả buồm xuôi
 Ngoài trời còn có trời soi rạng
 Sóng lặng khe đầm thấy trắng thu

Pháp Thuận đem bài thơ dâng cho vua. **Vua mời sư Ngô Khuông Việt đến xem**, Khuông Việt nói: **‘Điều này có nghĩa sứ tôn trọng bề hạ không kém gì vua của y’.**”

Vậy có thể xác định chắc chắn không có chi tiết “Vua bảo Đỗ pháp sư đưa cho Khuông Việt xem” như Bản NĐT đã dịch được.

Còn chuyện ông Thọ không để ý lối khắc chữ **thử** (此) ở một số chỗ trong TUTA bản Vĩnh Thịnh trông na ná như chữ **bắc** (北) nên đã đọc nhầm là **bắc** (北) rồi dịch sai “sứ **Bắc** tôn kính bề hạ không kém gì vua Tống” thì chúng tôi đã góp ý đầy đủ ở phần góp ý tiểu truyện thiền sư Vô Ngôn Thông nên xin miễn lập lại. Xin quý độc giả xem lại phần trên!

Trang 49 (Tiểu truyện trưởng lão Định Hương)

Nguyên văn:

“Cảm Ứng tự, Định Hương trưởng lão, tính Lữ thị, Chu Minh nhân dã, **thế tu tịnh hạnh** (世修淨行)”.
 (世修淨行)

Bản NĐT dịch: “... Trưởng lão họ Lã, người hương Chu Minh, suốt đời **tu hành thanh tịnh**...”.

Dịch như vậy là do không để ý chữ **thế** (世) có nghĩa **thế thứ**, tức **nhiều đời**. Vậy câu trên có nghĩa là: “Trưởng lão Định Hương ở chùa Cảm Ứng, họ Lã, người làng Chu Minh, **đòng họ nhiều đời tu tịnh hạnh**”. Mà điều này cũng lạ quá, vì cũng chữ **thế** (世) này ở những trang về sau, Bản NĐT đều dịch đúng là **đời đời** hoặc **nhiều đời** như:

- Trang 105, tiểu truyện thiền sư Không Lộ, nguyên văn viết: “**Thế vi ngư giả**...”, Bản NĐT dịch rất hay là: “**Nhà mấy đời làm nghề đánh cá**”.

- Trang 114, tiểu truyện thiền sư Tín Học, nguyên văn viết: “**Thế nghiệp điều kinh**”, Bản NĐT dịch rất hay là: “**Gia đình mấy đời làm nghề khắc ván, in kinh**”.

- Trang 154, tiểu truyện thiền sư Thần Nghi, nguyên văn viết: “**Thế tu phạm hạnh**”, Bản NĐT dịch rất đúng là: “**Gia đình mấy đời tu hành thanh tịnh**”.

- Trang 188, tiểu truyện thiền sư Vạn Hạnh, nguyên văn viết: “**Gia thế phụng Phật**”, Bản NĐT dịch rất đúng là: “**Gia đình đã mấy đời thờ Phật**”.

Qua những trích dẫn trên, chúng tôi thấy các dịch giả đã dịch không nhất quán!

Trang 52 (Tiểu truyện thiền sư Thiền Lão)

Nguyên văn:

“... *Tâm tựu tư sơn trắc tích, thiền phong nhật chấn, học giả thiên số, uất vi từng lâm chi hạnh*”.

Bản NĐT dịch: “*Sau sư đến trụ trì ở núi này có tiếng là bậc cao tăng đương thời, học trò theo học có tới hơn nghìn người. Chùa Trùng Minh trở thành một thiền viện sầm uất trong chốn rừng lâm*”.

Dịch như vậy về ý thì không có gì sai nhầm nhưng thoát quá không còn trung thực với nguyên văn vì **thiền phong nhật chấn** (禪風日振) nên dịch là “thiền phong càng ngày càng phấn phát lên”, chứ không thể dịch thoát đến lạc nghĩa là “*có tiếng là bậc cao tăng đương thời*”.

Còn **uất vi thiền lâm** chi thịnh (鬱為禪林之盛) mà dịch là “... trở thành một thiền viện sầm uất trong chốn rừng lâm” cũng không ổn vì chữ **uất** (鬱) trong nguyên văn không có nghĩa là **sầm uất** (岑蔚) mà có nghĩa là **kết tụ thành**. Vậy nên dịch là: “*Kết tụ thành một nơi long thịnh trong chốn thiền lâm*”.

Trang 56 (Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

“... *Mạc trạc giang ba nịch* (莫濯江波溺)

Thân lai khước tự trầm” (親來却自沉)

Bản NĐT dịch: “*Chớ rửa trên mặt nước,*

Thân gieo nước tự chìm”.

Ở cặp thơ này, câu thứ hai dịch rất hay, nhưng tiếc thay câu nhất lại hỏng. Chữ **trạc** (濯) trong câu nhất, ngoài nghĩa thông thường là **rửa ráy**, còn có một nghĩa thứ hai ít phổ biến là làm cho cạn sạch, hoặc hiểu thoáng rộng một chút là **tát cạn**. Vậy hai câu trên có thể hiểu là: “*Không cần tát cạn sông nước của dòng sông để chìm xuống đáy mà chỉ cần gieo mình xuống nước là thân tự chìm thôi*”. Và có lẽ nên dịch là:

Gieo mình tự đắm là xong

Đâu cần tát cạn sông mới chìm

Nguyên văn:

Hựu vấn: “*Dã Hiên nhất thâm hộ* (野軒一深戶).

Thùy thức đẳng nhàn xao?” (誰識等閑敲).

Sư vân: “*Kim Cốc tiêu sơ hoa thảo loạn.*

Nhi kim hôn hiểu nhiệm ngư dương”.

Bản NĐT dịch:

“*Lại hỏi:*

- *Nhà sâu hiên im vắng.*

Ai biết bọn ta tìm”.

Dịch nhầm như thế là vì các dịch giả không để ý **Dã Hiên** là tên người, mà tưởng **Dã Hiên** là “*mái hiên im vắng*”. **Dã Hiên** là tên trang viện của một người giàu có đời Tống, sau bỏ nhà đi tu theo phái Vân Môn, pháp hiệu là **Khả Tôn**. Dịch giả cũng không để ý chữ **đẳng nhàn** (等閑) có nghĩa là **rảnh rang**

và vì bị ấn tượng chữ **đẳng** (等) có nghĩa là **nhóm**, **bọn** nên mới dịch “*thùy thức đẳng nhân xao*” là “*ai biết bọn ta tìm*”. Chữ **đẳng nhân** (等閑) có nghĩa là **rảnh rang** này được thiền sư Pháp Cốc sử dụng trong bài thi tụng ca ngợi Thượng sĩ Tuệ Trung trong sách *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*: “*Pháp vương, vương pháp một hoành hành. Bá thủ đồng đồ vong nhữ nhĩ. Đẳng nhân hí lộng một huyền cầm*”, nghĩa là: “Pháp vương, vương pháp chớ hoành hành. Nắm tay cùng đường quên mi tớ. Rảnh rang dạo chơi đàn không dây”. Chữ **đẳng nhân** với nghĩa “*rỗi rảnh*” cũng thấy chép ở quyển 12 sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-297 thượng): “*Chư tử, sanh tử sự đại, khoái tu tiến thủ, mặc vì đẳng nhân nghiệp thức mang mang*”, nghĩa là: “*Này các ông, sanh tử là chuyện lớn, hãy mau lo lãnh ngộ, đừng để nghiệp thức lười nhác (rỗi rảnh) làm cho mê mờ!*”.

Vậy bốn câu này có nghĩa là:

“Lại hỏi:

- Cổng nhà sâu kín của cự phú Dã Hiên nay còn có kẻ nào rảnh rang đến gõ cửa?

Sư đáp:

- Trang viện Kim Cốc (của Thạch Sùng) nay xác xơ hoa cỏ mọc loạn tạp, giờ đây sớm chiều mặc trâu dê vào ra giẫm đạp”.

Tóm lại ý của câu hỏi và câu đáp đều đối nhau nêu cảnh suy tàn hoang vắng của nhà cửa cao rộng sâu kín vườn hoang vắng lệ của những tay cự phú thuở xưa nay đã suy sụp, **ý nói tình hoa thiên nay ít người tới được**.

* *Chú thêm*: Đoạn văn trên gồm hai vế đối nhau, vậy Kim Cốc là tên riêng vườn uống rượu của Thạch Sùng, thì Dã Hiên cũng là tên riêng trang viện của phú ông.

Trang 59 (Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

Vấn: Long nữ hiến châu thành Phật quả
Đàn na xả thí phúc như hà

Sư vân: Vạn cổ nguyệt trung quế
Phù sơ tại nhất luân (扶疏在一輪)

Bản NĐT dịch:

“Hỏi: Long nữ dâng châu thành Phật quả
Đàn na bố thí phúc hằng bao?

Đáp: Quế trong trăng muôn thuở
Sum suê vẫn một vầng”

Câu “*Phù sơ tại nhất luân*” (扶疏在一輪) mà dịch: “*Sum suê vẫn một vầng*” là không ổn cả về từ nghĩa lẫn thiền lý. Về ngữ nghĩa, **phù sơ** (扶疏) là hai từ nghĩa trái ngược nhau vì **phù** (扶) là sum suê, còn **sơ** (疏) có nghĩa là thưa thớt. Vậy câu này có nghĩa là: “*Sum suê hay thưa thớt cũng chỉ tại một vầng trăng mà thôi*”. Về thiền lý thì ý tác giả muốn nói: Bóng cây quế trên mặt trăng từ xưa tới nay dù sum suê hay thưa thớt thì cũng chỉ có một vầng trăng đó mà

thôi, chẳng khác chi chuyện long nữ dâng châu hiến Phật và hàng đàn-na bố thí, tuy phong cách có khác về cao thấp, sang hèn, nhưng cũng chỉ là chuyện bố thí cúng dường như nhau thôi. Vậy dịch: “*Sum suê vẫn một vàng*” sẽ làm mất đi ý nghĩa siêu tuyệt của câu thơ.

Vậy hai câu trên có lẽ nên dịch là:

Quế trong trăng muôn thuở
Rậm, thưa vẫn một vàng

Trang 60
(Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

“*Bất thị Tề quân khách* (不是齊君客)

Na tri hải đại ngư (那知海大魚)

Vấn: *Quách quân nhược bất nạp* (郭君若不納)
Gián ngữ diệc hề vi (諫語亦奚為)

Sư vân: *Nhược dục tiên đề ẩm*
Hưu vi xảo họa xà”

Bản NĐT dịch:

“*Chẳng phải Tề quân khách*⁽¹⁾

Nào hay cá biển to

Hỏi: *Quách ông*⁽²⁾ *chẳng chịu hiểu*
Can gián có làm gì!

Sư đáp: *Nếu muốn uống rượu trước*
Dừng vẽ rắn thêm chân.”

Giá chỉ dịch như vậy thì tuy không hoàn toàn lột tả được ý tác giả nhưng cũng chẳng có chi sai nặng, đằng này Bản NĐT lại chú thích như sau:

⁽¹⁾ *Tề quân: Vua Thủy Tề.*

⁽²⁾ *Quách ông: Chỉ Quách Phác (đời Tấn). Phác giỏi âm dương thuật số nhưng không tính được số mệnh cho mình. Vì can gián mà bị Minh Đế giết.*

Chú thích như thế hoàn toàn sai lạc ý nghĩa điển tích mà tác giả đã dùng trong đoạn này. Các điển “*Tề Quân*”, “*Quách Quân*”, “*Họa xà thêm túc*” tức về rắn thêm chân tác giả đều lấy từ *Chiến Quốc sách* và *Hàn Phi Tử*. Theo điển của Tề sách 4 trong *Chiến Quốc sách* và thiên “Thuyết lâm” trong *Hàn Phi Tử* thì Tề Quân tức Tỉnh Quách Quân nước Tề muốn xây thành Tiết nhưng bị nhiều người can ngăn nên Quách Quân căn dặn người gác cổng nếu hễ ai xin vô tham kiến để can ngăn thì không cho vô. Có người nước Tề nài nỉ xin vô để chỉ nói ba tiếng thôi, rồi chết cũng cam đành. Quách Quân nghe nói thế cho vô, người khách khi gặp Tề Quân chỉ nói lớn ba tiếng “*Hải đại ngư*” nghĩa là “Cá lớn ở biển” rồi vọt chạy. Quách Quân ngạc nhiên cho gọi lại hỏi chuyện, người khách mới nhân đó giải thích ý nghĩa ba chữ kia, mục đích nhằm can vua đừng xây thành. Quách Quân nghe ra đồng ý mới thôi xây thành Tiết. Còn “*Họa xà thêm túc*” tức “*Vẽ rắn thêm chân*” là điển của Tề sách 2 trong *Chiến Quốc sách*: “*Nước Sở có hai người thi vẽ rắn, ai xong trước thì được uống rượu. Một người vẽ xong trước, nhưng lại vẽ thêm chân cho con rắn. Người vẽ xong sau không chịu thua vì bảo rắn không có chân, đoạn giứt cốc rượu uống hết*”.

Vậy Tề Quân và Quách Quân trong đoạn văn đáp trên **chỉ là một người** và không phải vua Thủy Tề dưới biển, lại càng không phải Quách Phác đời Tấn!

Trang 61
(Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

*“Hải tạng thao thao ưng bất vấn
Tào Khê trích trích thị như hà?”*

Bản NĐT dịch:

*“Kho **biển** mênh mông chẳng màng đến
Khe **Tào** rách rách ý sao đây?”*

Hải tạng mà dịch là **kho biển** thì không sai từ lý nhưng về thiền lý thì có hơi non, vì ai cũng biết rằng hải tạng tuy nghĩa đen là kho biển nhưng hàm ý chỉ kho kinh điển của nhà Phật cất chứa dưới thủy cung. Về thiền lý thì hải tạng ví dụ cho lời Phật thuyết pháp. Bởi Phật pháp mênh mông như đại hải không phân biệt xấu tốt, lại bất luận loài hữu tình hay phi tình nhất thiết vật đều bao dung trong đó, cho nên mới lấy hải tạng để làm ví dụ. (Thí dụ Phật chỉ thuyết pháp. Phật pháp đại hải, vô mỹ xú chi biệt, diệc bất luận hữu tình phi tình, nhất thiết tận bao dung kỳ trung, cố dĩ hải tạng dụ chi - *Bát thập Hoa Nghiêm kinh, Nhân pháp giới phẩm*).

Còn **Tào Khê** là nơi mà Lục tổ Huệ Năng xiển dương tông chỉ kiến tánh thành Phật, về sau tượng trưng cho thiền phái Nam tông, vốn là một danh từ riêng mà Bản NĐT dịch ra tiếng Nôm thành “*khe Tào*” là sai. Từ “*Tào Khê trích trích*” có nghĩa là “Tào Khê từng giọt” lấy ý từ câu nói của Chân Giác Thắng. Phật Quả tham bái Chân Giác Thắng, Thắng chích cánh tay chảy máu rồi nói: “*Đây là giọt Tào Khê*”.

Vậy qua hai câu trên ý học tăng muốn nói: “*Tam tạng kinh điển của Phật giáo rộng mênh mông như biển, thôi chẳng cần hỏi tới làm chi. Chỉ xin thầy cho biết riêng thiền chỉ của phái Tào Khê ý nghĩa như là gì?*”. Và hai câu trên có lẽ nên dịch thế này:

Biển pháp mênh mông thôi chẳng hỏi
Tào Khê từng giọt nghĩa là sao?

Trang 63
(Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

*“Doanh sào liêm mạc thượng (營巢簾幙上)
Mấn phát vi thiều hành” (鬢髮葦苕莖)*

Bản NĐT phiên âm:

*“Doanh sào liêm mạc thượng
Tu phát vi thiều kinh”*

Và dịch:

*“Xây tổ trên màn trướng
Tóc râu xòa cành lau”*

Câu “*Mấn phát vi thiều hành*” đã bị phiên âm nhầm là “*Tu phát vi thiều kinh*”. Chữ 莖 này cả Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh và Hán Việt tự điển

của Thiều Chửu đều phiên âm là **hành**. Chữ **hành** (莖) này *Từ nguyên chú âm* là “*Hà manh thiết canh vận*”, vậy phải đọc là **hành**, và nghĩa của nó là cọng của cỏ hay râu của trái bắp, bông lau. Còn chữ **mấn** (鬚) mà đọc là **tu** thì nhầm lẫn lắm!

Phiên âm nhầm và dịch sai như vậy là không cảm thụ sâu sắc ý nguyên văn, vì khi học nhân dẫn lời câu: “Trong thành Niết bàn nguy còn đến” (*Niết bàn thành lý thượng do nguy*) của thiền sư Đồng An Sát trong bài “Hồi cơ - Thập huyền đàm” để hỏi chỗ nào mới là chốn không nguy hiểm, thì thiền sư Viên Chiếu đã khải thị cho môn nhân mình một cách sâu sắc, ý như sau: Niết bàn là phản nghĩa của sanh tử, vậy có thể tạm hiểu là chốn an ổn siêu thoát, nhưng nếu ta đem tâm tham chấp để tìm chốn an ổn không còn nguy biến đó thì cho dù ngay khi mình ngồi trong thành Niết bàn, nguy hiểm vẫn còn đến. Cho nên đem tâm đi tìm chốn Niết bàn là một hành động hư vọng nguy hiểm, như con chim đóng tổ trên màn trướng không biết sẽ bị phủ giữ lúc nào, hoặc như người lấy râu bông lau để làm mái tóc của mình thì sẽ bị rụng trụi chóng vánh, vì râu bông lau mỏng manh dễ đứt biết chừng nào. Nói tóm lại, không có nơi an ổn nào dành cho tâm chấp trước vọng cầu cả. Cho nên dịch “*Tóc râu xơ cành lau*” chẳng những đi ngược lại ý tác giả, mà cũng trái ngược luôn thiền lý. Vậy hai câu trên có lẽ nên dịch là:

Xây tổ trên rèm trướng
Râu lau làm tóc mai.

Trang 64 (Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

Khả lân tao nhất ế (可憐遭一噎)

Cơ tọa khước vong xan (饑坐却忘餐)

Bản NĐT dịch là:

“Đáng thương người nắc nghẹn

Ngồi đói chịu quên ăn”

Dịch như vậy về nghĩa chữ không đạt mà về thiền lý cũng chưa lột tả được ý tác giả. Vì cụm từ **tao nhất ế** (遭一噎) trong câu “*Khả lân tao nhất ế*” có nghĩa là “**qua một lần bị nghẹn, bị mắc nghẹn một lần**” và toàn câu có nghĩa là: “Đáng thương cho kẻ bị mắc nghẹn một lần!”. Ý cả hai câu là: “Đáng thương cho kẻ bị mắc nghẹn một lần (nay sợ nuốt cơm), nên tuy đói mà cũng đành ngồi chịu đựng chứ không dám ăn”. Câu này hàm ý chê những người chấp trước trong tu học, hề thấy qua sự việc gì là chấp mọi sự việc khác trong đời đều như thế. Cho nên có thái độ cực đoan hoặc là mãi mãi lạc quan, hay là mãi mãi bi quan. Dịch “*Đáng thương người nắc nghẹn, Ngồi đói chịu quên ăn*” làm người đọc hiểu là “Đáng thương cho người **đang nắc nghẹn** nên dù đói cũng ngồi chịu quên cả ăn”, không diễn đúng ý tác giả như vừa trình bày bên trên. Cũng xin nói thêm, câu này ý tương tự như câu “*Kỷ kinh khức mộc điểu, Tần xuy lãnh tê nhân*” ở đoạn sau trong bài “Tham đồ hiển quyết” này, hàm ý chỉ “con chim bị cung bắn một lần thì sau hề thấy cành cây cong là sợ bỏ vĩa; anh chàng tham ăn húp vội thức ăn nóng bị phỏng miệng một lần, sau dù gặp thức ăn lạnh cũng còn sợ bị phỏng cứ thổi mãi”. Vậy hai câu trên có lẽ nên dịch:

Thương thay mắc ghen một lần
Thà ngồi chịu đói đâu cần gì ăn!

Trang 65
(Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

“Hựu vân:

*Kỷ niên cứu tích nang trung bảo
Kim nhật đương trường địch diện khan*

Sư vân:

*Chỉ đãi trung thu nguyệt
Khước tao vân vũ xâm*

Tăng vấn:

*Tuy văn sư ngữ thuyết
Thử lý vị phân minh*

Sư vân:

*Tiểu tha đồ bảo trụ
Nịch tử hướng trung lưu”*

Bản NĐT dịch:

“Tăng nói:

*Ngọc vàng cất giấu trong rương đầy
Rành rõ giờ đây được ngắm xem*

Sư nói:

*Đợi trung thu trăng sáng
Ngờ đâu mây tối trời*

Tăng nói:

*Tuy nghe thầy thuyết giảng
Lẽ ấy chưa rõ ràng*

Sư đáp:

*Cười kẻ ôm cột cầu
Chết đuối giữa dòng sâu”*

Câu “Chỉ đãi trung thu nguyệt. Khước tao vân vũ xâm” mà dịch: “Đợi trung thu trăng sáng. Ngờ đâu mây tối trời”, về văn nghĩa nhầm lẫn lẫn, mà về thiền lý thì không hoàn toàn cảm thụ hết ý tác giả, vì ở đoạn trên tác giả muốn nói khi tăng nhân khoe với thầy bấy lâu nay mình bỏ công tu học rèn luyện cái tâm chẳng khác nào châu báu cất trong đây. Giờ công tu đã thành, đạo đã đạt, có thể thấy được kết quả quý báu đó triển khai trước mặt, lấy ý thơ của thiền sư Đỗ Lăng Úc:

*Ngã hữu thần châu nhất lỏa
Cửu bị trần lao cơ tỏa
Kim triều trần tịnh quang sanh
Chiếu kiến sơn hà vạn đoá
Nghĩa là:
Ta có ngọc thần một viên
Bấy lâu bụi trần phủ xóa
Giờ đây bụi hết sáng soi
Chiếu kiến sơn hà vạn đoá*

Từ **nang trung bảo** (囊中寶) nguyên rút ra từ phẩm “Ngũ bách đệ tử thọ bá” của kinh *Pháp Hoa*, nhằm chỉ cho Phật tánh sẵn có trong mọi người, thì thiền sư Viên Chiếu đã khai thị vị tăng một cách khéo léo sâu sắc: “*Người tham học bấy lâu nay mà tâm chấp trước những mong đạt thiền lý thì chẳng những hoài công mà còn bị thua thiệt, chẳng khác nào kẻ ra khỏi nhà trèo lên non cao những mong thưởng thức ánh trăng rằm sáng đẹp mà không dè trong lúc mải lo chú tâm hồ hởi chờ đợi trăng thì trước hết đã bị mây núi mưa đồi thấm dội ướt mình*”. Chữ **xâm** (侵) trong ngữ cảnh này không có nghĩa là “mây mưa **che** mặt trăng” mà là “**bị** mây mưa **thấm, dội, hắt vào** ướt lạnh người mình”. Ý trên được thiền sư Viên Chiếu diễn giải rõ để cho môn đồ mình hiểu dễ dàng hơn khi vị này chưa hiểu hỏi nữa qua hai câu thơ tiếp theo: “*Tiểu tha đồ bảo trụ. Nịch tử hướng trung lưu*”, nghĩa là: “*Cười kẻ ôm cột cầu. Chết đuối giữa dòng sâu*”.

Hai câu này diễn tả câu chuyện Vĩ Sinh trong thiên “Đạo chích” của Trang Tử, vì mải lo ôm cột cầu chờ người đẹp ra gặp theo lời nàng hẹn, nhưng hứng thú gặp người đẹp đâu không thấy, mà vì mải lo ôm cột cầu giữ lời hẹn mà chàng đã chết dưới dòng sông khi thủy triều lên.

Vọng tưởng cần khổ tu học để háo hức thấy được chuyện linh ngộ đạt chỉ ý cũng gặp cảnh trở trêu như chuyện chờ trăng ướt mình, đợi người tình phải chết đuối vậy!

Vậy hai câu này có lẽ nên dịch là:

Mẳng đợi trăng thu sáng

Ngờ đâu mưa ướt mình.

Trang 66

(Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

“*Tài kiến xuân sinh kiêm hạ trưởng*

Hựu phùng thu thực cập đông tàng”

Bản NĐT phiên âm nhầm câu đầu là: “**Thốn** kiến xuân sinh kiêm hạ trưởng”.

Sở dĩ chữ **tài** (才) trong nguyên văn bị Bản NĐT phiên âm nhầm là **thốn** (寸) vì chữ **tài** (才) này bản *TUTA* niên hiệu Vĩnh Thịnh 1715 khắc nét phẩy hơi ngắn nên trông giống như chữ **thốn** (寸), nhưng thực ra không phải là nét chấm của chữ **thốn** (寸), vì chữ **thốn** thì hoàn toàn vô nghĩa trong câu thơ này.

Chữ **tài** (才) này đồng nghĩa với chữ **tài** (纔) và có nghĩa là **vừa mới**. Vì phiên âm nhầm **tài** (才) thành **thốn** (寸) nên Bản NĐT đã dịch hai câu trên là:

“**Chỉ** thấy xuân qua hè lại đến

Mới vào thu chín gặt đông về”

làm lạc mất ý thiền sư Viên Chiếu muốn nói thời gian cứ tuần tự bốn mùa thay đổi nhau qua **rất mau** như các công đoạn trồng cây lúa: vừa mới thấy cây mạ mọc lên vào mùa xuân và phát triển vào mùa hạ, thì lật bật đến mùa thu cây lúa đã chín và người nông phu thu hoạch trử vô bờ vào mùa đông.

Vậy có lẽ hai câu trên nên dịch là:

Mới thấy xuân gieo rồi hè đến

Thu sang đã chín, đông vô bờ.

Trang 66 (Tiểu truyện thiên sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

*Tổ Long khu tự chỉ (祖龍驅自止)
Từ Phúc viễn đồ lao (徐福遠徒勞)*

Bản NĐT dịch:

*“Thủy Hoàng tìm tiên mãi
Từ Phúc mãi chẳng về”*

Và cước chú: “... *Tổ Long* là cách nói của một phương sĩ dùng để chỉ *Thủy Hoàng* (*Tổ* là đầu cũng như *Thủy*, *Long* là rồng cũng nghĩa như *Hoàng*)”.

Sách *Sử ký* chép: “*Tần Thỉ Hoàng* là người rất mộ đạo trường sinh, sai đạo sĩ *Từ Phúc* còn có tên là *Từ Thị* dẫn một nghìn đồng nhi ra *Biển Đông* tìm bồng lai vào năm 217 trước Tây lịch. Bồng lai đâu không thấy mà bảy năm sau *Thỉ Hoàng* chết, nhưng bọn *Từ Phúc* thì vẫn nhọc nhằn chốn xa xôi tìm thuốc trường sinh và cuối cùng chẳng thấy họ trở về nữa”.

Qua câu chuyện trên chúng ta có thể tạm xác định chữ **khu** (驅) trong hai câu thơ trên có nghĩa là sự sai khiến, bức bách hay chạy vạy mong đạt được chuyện này, chuyện nọ (chỉ việc sai *Từ Phúc* tìm tiên đơn). Vậy **Tổ Long khu tự chỉ** chỉ có nghĩa là: (Khi *Tần Thỉ Hoàng* chết rồi) thì sự sai khiến, bức bách, sự chạy vạy của ông đối với bọn *Từ Phúc* đương nhiên chấm dứt. Nhưng “*Từ Phúc viễn đồ lao*” nghĩa là bọn *Từ Phúc* vì sợ tội không dám về do không biết *Tần Thỉ Hoàng* đã chết, nên vẫn phải bôn ba nghìn dặm nơi chốn xa xôi tìm thuốc tiên. Hai câu trên rất khó dịch, Bản NĐT dịch như thế là thoát và cũng rất hay, nhưng chúng tôi xin dịch lại bớt thoát hơn phần nào chăng?

*Thỉ Hoàng ngừng chạy vạy
Từ Phúc nhọc nơi xa*

Riêng phần cước chú thì ông Thọ trình bày sơ lược quá, chúng tôi xin bổ sung thêm điển tích nói về ý nghĩa chữ **Tổ Long** (dịch): Sứ giả nước *Tần* từ *Quan Đông* ban đêm đi qua *Hoa Âm* thì có người chặn sứ giả nói: “*Năm nay Tổ Long chết*”. Sứ giả về tâu lại chuyện đó với *Thỉ Hoàng*, *Thỉ Hoàng* im lặng hồi lâu nói: “*Loài ma núi bất quá chỉ biết chuyện trong vòng một năm mà thôi làm sao biết được chuyện sanh tử của người*”. Qua năm *Thỉ Hoàng* băng. Chuyện này thấy chép trong *Sử ký*. *Tổ* (là người đầu tiên của một họ) tức *Thỉ*. *Long* (là rồng, biểu tượng cho vua) tức *Quân* hay *Hoàng*. Vậy *Tổ Long* ngầm chỉ *Thỉ Hoàng*. Người đời sau nhân đó gọi hiệu *Thỉ Hoàng* là *Tổ Long* (*Từ nguyên* chú).

Trang 67 (Tiểu truyện thiên sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

“*Hựu vấn:*

*“Ma-ni dữ chúng sắc
Bất hợp bất phân ly*

Sư vân:

*Xuân hoa dữ hồ điệp
Kỷ luyện, kỷ tương vi”*

Bản NĐT dịch:

“Hỏi:

*Ma-ni cùng các sắc
Chẳng hợp cũng chẳng rời*

Đáp:

*Hoa xuân cùng **bướm trắng**
Lưu luyến hay chia ly?”*

Câu “*Kỷ luyến, kỷ tương vi*” mà dịch thành thể nghi vấn “*Lưu luyến hay chia ly?*” là hoàn toàn nhầm lẫn, vì đây là một câu có tính nhận định “*Hoa xuân và bướm bướm vừa có vẻ lưu luyến nhau, lại vừa có vẻ chỏi nhau*”. (Hồ điệp đơn thuần nghĩa là bướm bướm, sao lại dịch cường điệu thêm chữ **trắng** làm chi!). Câu này sư Viên Chiếu dùng để đáp lại câu hỏi của ông tăng là: “*Tại sao ngọc ma-ni cùng với các màu sắc chẳng hợp cũng chẳng rời?*”, ý muốn nói hoa xuân và bướm bướm cũng như ngọc ma-ni cùng các sắc không thật sự hòa hợp mà cũng không thật sự xung khắc, vì khi hoa xuân vừa nở thì bướm bướm bu lại có vẻ như lưu luyến, nhưng khi hoa hết mật thì bướm bỏ đi như xung khắc cách xa, cũng như ngọc ma-ni không tùy theo sắc, nhưng cũng không khắc sắc.

Câu “*Ma-ni cùng các sắc, Chẳng hợp cũng chẳng rời*” rút ra từ bài thơ “*Tăng vấn tùy sắc ma-ni châu*” là một trong 14 bài tụng của Đại Pháp Nhãn thiền sư Văn Ich, chép trong sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-454 trung):

*Ma-ni bất tùy sắc
Sắc lý vật ma-ni
Ma-ni dữ chúng sắc
Bất hợp bất phân ly*

Tạm dịch:

*Ma-ni chẳng theo sắc
Trong sắc chẳng ma-ni
Ma-ni và các sắc
Chẳng hợp chẳng phân ly*

(Còn tiếp)

L V D

TÓM TẮT

Bài viết nêu lên các sai sót và góp ý chỉnh sửa các sai sót ấy trong cuốn *Thiền uyển tập anh* (Anh tú vườn Thiền) do Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, Nxb Văn học ấn hành năm 1990. Các sai sót này, đáng tiếc đã không được các dịch giả chỉnh sửa hết trong những lần tái bản sau này.

ABSTRACT

SOME SUGGESTIONS FOR THE TRANSLATION OF “*THIỀN UYỂN TẬP ANH*” BY MR. NGÔ ĐỨC THỌ AND MS. NGUYỄN THÚY NGÀ

The article refers to the errors in *Thiền uyển tập anh* (Collection of Outstanding Figures in Zen Garden) translated and annotated by Ngô Đức Thọ and Nguyễn Thúy Nga, published by Literature Publishing House in 1990; simultaneously, it offers some suggestions on correcting these errors which, unfortunately, have not been corrected thoroughly in subsequent reprints.